TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tương đồng giữa vật lý học lượng tử và triết học tính không

ISSN: 2734-9195 09:10 14/03/2025

Mặc dù có nhiều nét tương đồng nhưng vật lý học lượng tử chỉ là hiện tượng giới của triết lý Tính Không. Do bị kẹt vào nhị nguyên giữa chủ thể quan sát và đối tượng quan sát nên khoa học vẫn chưa đi xa được.

Tác giả: **Kiến trúc sư Tăng Chí Vinh**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

Dẫn nhập: Trong nhiều thập kỷ qua, sự phát triển của vật lý lượng tử đã mở ra một góc nhìn mới về bản chất của vũ trụ, nơi mà thực tại không còn mang tính tuyệt đối mà phụ thuộc vào mối quan hệ giữa người quan sát và hệ vật lý. Điều này khiến một số nhà nghiên cứu liên tưởng đến tư tưởng Tính Không (Śūnyatā) trong triết học Phật giáo Đại thừa.

Nhà khoa học Albert Einstein (1) đã nhận định rằng khoa học và triết học cần bổ sung lẫn nhau để tránh sự cực đoan trong nhận thức. Einstein từng nói: “Science without religion is lame, religion without science is blind.” (Khoa học mà thiếu tôn giáo là khập khiễng. Tôn giáo mà không có khoa học thì mù quáng).

Những khám phá mới nhất của khoa học trong lĩnh vực hạt - trường - sóng tác động mạnh mẽ vào công nghệ làm cho cuộc sống vượt xa lý thuyết tư tưởng của con người. Những lý luận tư duy cũ không còn phù hợp với những khám phá mới trở thành giáo điều cản trở sự phát triển của nhân loại.

Có một xu hướng nhận thức mới là kết hợp giữa các bậc thầy tâm linh phương Đông và các nhà khoa học hàng đầu về vật lý học lượng tử ở phương Tây.

Từ khóa: Vật lý học lượng tử, triết học, tính không, Phật giáo Đại thừa…

Sơ lược về triết lý tính không của Phật giáo Đại thừa:

- Tính không trong Bát Nhã Tâm kinh [(2)]***:*** *"Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc"*. Theo Quán Tự Tại Bồ tát, các pháp là Không nhưng chúng ta thấy các pháp chứa đầy mọi vật. Cái chính ở đây là từ: "KHÔNG". Không chẳng có ý nghĩa trừ khi chúng ta biết cái gì là không. Điều này là cả một khám phá, một sự giác ngộ. Khi Bồ tát nhìn sâu vào tự tính của năm uẩn, ngài thấy cả năm uẩn đều là không.

Nhiều người chưa hiểu Phật giáo cho rằng đạo Phật là bi quan, nói tất cả mọi thứ đều là không, hoàn toàn trống rỗng. Nhưng chấp Không là một tà kiến và chấp Có cũng là một loại tà kiến. Giáo pháp của đức Phật vượt thoát nhận thức về Có và Không, cái thấy trung đạo là cái thấy của Chính Kiến, Chính Tư Duy. Một thiền sư Việt Nam thời Lý (Thiền sư Cứu Chỉ, mất năm 1067) đã có nhận xét: *"Lão Trang thì kẹt vào cái Không - Vô Vi, còn Khổng giáo kẹt vào cái Có - Hữu Vi, chỉ có đức Phật là vượt thoát cái Có và cái Không".*

Vạn Pháp nương vào nhau mà tồn tại, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, không một pháp nào có mặt một cách biệt lập được, không có một cái ngã riêng nên gọi các Pháp là không.

Các Pháp tương sinh tương duyên với nhau, pháp giới trùng trùng duyên khởi là cảnh giới của Hoa Nghiêm.

Điều này tương đồng với Vật Lý Lượng Tử được gọi là sự Vướng Víu Lượng Tử.



Vướng Víu Lượng Tử là một hiện tượng cốt lõi trong vật lý lượng tử xảy ra khi một cặp hoặc nhóm hạt, chẳng hạn như electron hoặc photon, bị vướng víu, tạo ra một kết nối đặc biệt giữa chúng, ngay cả khi bị tách ra bởi một khoảng cách rất lớn. Hiện tượng này được ứng dụng thực tế trong điện toán lượng tử.

- Tính không trong kinh Hoa Nghiêm [(3)]: Trong kinh Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương, Thầy Pháp Tạng Giảng Biện Minh Về Sắc Không: thầy dùng một con Sư Tử bằng vàng để làm ví dụ, giảng giải cho vua nghe về triết lý tính không trong kinh Hoa Nghiêm: *"Tướng sư tử là hư vọng, chỉ có vàng là thật. Sư tử là bất hữu, còn vàng là bất vô nên gọi đó là sắc không. Không là không có tự tính, nhờ sắc mà được thấy rõ, không bị ngăn ngại bởi huyễn hữu của sắc nên gọi là Sắc Không".*

Không ở đây là chân không vượt thoát cái không thông thường. Chúng ta thấy rằng nhờ hiện tượng giới hư ảo mà chúng ta thấy được bản thể giới. Nhờ có sắc mà chúng ta biết được không, không ở đây là Niết bàn, là thực tại tối hậu vượt thoát Có - Không thông thường. Không là Chân Không, nền tảng của vạn pháp. Chân không là diệu hữu. Cái có này không phải Có huyễn hữu, mà là cái Có diệu hữu.

Khoa học nói tới một hợp chất là H2O có trong không khí dù ta không thấy được. Khi nước tiếp xúc khí lạnh thì thành sương mù. Khi nước thành mưa rớt xuống gặp hơi nóng lại bốc hơi lên cứ như vậy mà tuần hoàn. Vậy hơi nước, mưa là hiện tượng giới, nước là có thật. Trong vật lý lượng tử các hạt có thể tồn tại hai nơi cùng lúc. "*Kết quả này đã đưa hiện tượng xếp chồng lượng tử lên cấp độ vĩ mô, chứng minh tính chất lượng tử có thể tồn tại ở thang không gian và thang*

thời gian của cuộc sống hàng ngày".

Trong kinh điển Đại thừa có khái niệm về tam thân Phật là: Pháp thân, Báo thân và Ứng thân. Pháp thân thì có mặt cùng một lúc khắp mọi nơi. Kinh văn luôn nhắc nhở chúng ta xem đức Phật như là Pháp thân chứ không phải là hình tướng thông thường. Pháp thân là thực tại tính của vũ trụ siêu việt không gian và thời gian. Giống như những đám mây nguyên tử chúng cũng là thực tại tính siêu việt không gian và thời gian vậy.

Trong các pháp giới của Hoa Nghiêm bao gồm:

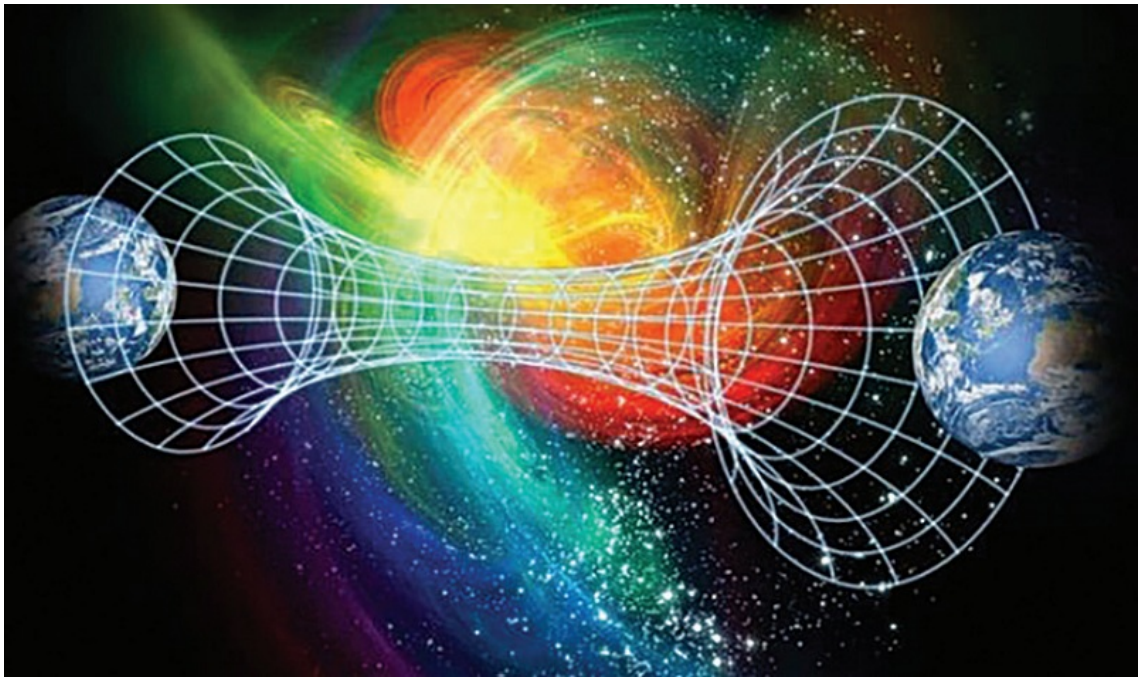
+ Lý Pháp giới: Thế giới của bản thể.

+ Sự Pháp giới: Thế giới của hiện tượng.

+ Lý Sự Vô Ngại: Thế giới liên hệ giữa bản thể và hiện tượng.

+ Sự Sự Vô Ngại: Thế giới liên hệ giữa tướng và tướng, giữa các hiện tượng với nhau.

Trong thế giới của bản thể, các pháp luôn có mặt ở khắp nơi trong mối quan hệ tương sinh tương duyên. Vậy Vật Lý Lượng Tử bằng thực nghiệm đang đi từ Sự Pháp Giới sang Lý Sự Vô Ngại khi khám phá ra các nguyên tử có thể tồn tại cùng lúc ở nhiều nơi.



- Tính không trong kinh Duy Ma Cật [(4)]: Trong kinh, Văn Thù Bồ tát hỏi ngài Duy Ma Cật: *"Này cư sĩ tại sao nhà của cư sĩ lại trống không vậy"?* Ông Duy Ma Cật trả lời: *"Các cõi nước của chư Phật đều là Không đâu phải chỉ căn phòng của tôi*

mới là không. Có chân Không thì mới có Diệu Hữu". Bồ tát Văn Thù lại hỏi: *"Không làm bằng chất liệu gì"?* Ngài Duy Ma Cật trả lời: *"Không làm bằng chất liệu của Không, bản chất của nó là vô phân biệt cho nên nó mới là Không".*

Không tính khả phân biệt, cái khả năng phân biệt của tâm thức cũng là không. Vậy trong kinh Duy Ma Cật cho rằng bản chất của Không là không thể phân biệt nên mới đích thực là không. Nói rõ hơn ta không thể dùng trí phân biệt để thấy rõ bản chất của Không. Trí phân biệt của ta là một Pháp vì vậy mà bản tính của nó cũng là Không. Trong vật lý học hiện đại, Sự Vướng Víu Lượng Tử được xem là hiện tượng kỳ lạ nhất trong lĩnh vực Vật Lý, nhưng nếu ta dùng tâm phân biệt để xem xét thì không thể hiểu rõ được mà phải dùng tuệ giác về tính Không để quán chiếu ta sẽ thấy rõ được bản chất.

- Tính Không trong Trung Quán tông [(5)]: Theo Trung Quán tông, cảnh giới tuyệt đối là Không và siêu việt (SunYa). Chân như thực tướng là bất nhị, nó siêu việt mọi thuộc tính và các tương quan trong thế giới hiện tượng. Nó là Không, hoàn toàn không có bất kỳ một định tính nào. Trong các luận điển Trung Quán tông, thực tướng luôn được định nghĩa là bất khả tư nghì, siêu việt cảnh giới tư duy, nó tịch lặng, nhất quán, bất nhị.

Trung Quán tông cho rằng: *"Không một pháp nào không do nhân duyên sinh. Một thực thể tồn tại độc lập tuyết đối là không bao giờ có".* Đối với hiện tượng Vướng Víu lượng tử nếu nhìn theo tuệ giác về duyên sinh chúng ta có thể hiểu được bản chất của nó.

Lý duyên khởi do đó đồng nhất với tính không với thực tại tính. Không cần phải đi vào những khái niệm rối rắm của triết học Hegel, ta vẫn có thể chỉ ra rằng hệ thống triết học Trung Quán tông đã đi trước triết học Hegel và triết học Phương Tây nói chung rất xa trong quan điểm tổng hợp về cảnh giới tuyệt đối với luận chấp thứ ba: Diệc hữu diệc phi hữu.

Cảnh giới tuyệt đối nằm trong lý tính nhưng lý tính đã che mất thực tính của cảnh giới tuyệt đối. Cảnh giới tuyệt đối của triết học Hegel chỉ là phần tục đế của Trung Quán tông. Chúng ta thấy rằng triết học Tính Không của Phật giáo Đại thừa đã đi trước triết học Phương Tây và Khoa Học Vật Lý hiện đại.

Sơ lược về vật lý lượng tử

Lĩnh vực vật lý lượng tử xuất hiện cuối những năm 1800 và đầu những năm 1900 từ những quan sát thực nghiệm về nguyên tử không có ý nghĩa trực quan trong bối cảnh vật lý cổ điển.

Vật lý lượng tử (Quantum Physics), còn được gọi là Cơ học lượng tử (Quantum Mechanics) hoặc Lý thuyết Trường lượng tử (Quantum Field Theory) là một trong những nhánh nghiên cứu khoa học/vật lý được quan tâm nhất hiện nay.



Các lý thuyết quan trọng của Vật lý lượng tử:

Vật lý lượng tử, sau hơn một thế kỉ được nghiên cứu với vô số thí nghiệm, đã giúp các nhà khoa học đưa ra được rất nhiều giả thuyết và lý thuyết mang tính đột phá trong việc giải thích các quy luật vận hành của thế giới vật chất. Sau đây là một vài lý thuyết chính yếu và rất quan trọng trong vật lý lượng tử:

Vạn vật quanh ta không "cố định" như ta tưởng (Superposition)

Đây có lẽ là một trong những phát hiện quan trọng và đột phá nhất của vật lý lượng tử: chiếc màn hình vi tính trước mặt ta, bàn phím mà ta đang gõ, ly nước và những quyển sách trên bàn, cả cơ thể con người chúng ta. Bên ngoài có vẻ thật "rắn chắc", nhưng thực chất đều được tạo thành từ những phân tử, nguyên tử, hạ nguyên tử nhỏ li ti. Những hạt này lại không bao giờ đứng yên mà di chuyển liên tục.

Điều đáng nói là, ở tầng mức lượng tử, các nhà khoa học phát hiện ra rằng quỹ đạo di chuyển của các hạt này gần như không thể được nắm bắt, phỏng đoán một cách chính xác. Đối với vật lý cổ điển, thì việc này quả thực phi logic và khó có thể chấp nhận.

Như vậy, toàn bộ thế giới vật chất, bao gồm cơ thể con người, tuy nhìn từ bên ngoài có vẻ rắn chắc và cố định, nhưng ở tầng mức căn bản nhất, chúng là một tập hợp gồm những hạt nguyên tử/hạ nguyên tử di chuyển theo cách hỗn loạn

và khó xác định.

Đặc biệt, mỗi hạt này dường như có thể tồn tại trong nhiều trạng thái và di chuyển trên nhiều quỹ đạo khác nhau cùng một lúc. Giới khoa học gọi nguyên lý này là chồng chập lượng tử (Superposition).

Nguyên lý này được giải thích rõ ràng nhất qua thí nghiệm "khe kép" (double-slit experiment) nổi tiếng sau:

Theo đó, các electron có thể cùng một lúc tồn tại trong cả dạng sóng (wave) lẫn hạt (particle). Sự chuyển đổi qua lại giữa hai dạng tồn tại này được cho là có thể bị tác động bởi người quan sát.

Tại sao lại như vậy? Vì, bản thân "người" quan sát này, cho dù là một người hay một thiết bị ghi hình, thì đều có cấu tạo căn bản nhất là từ các hạt nguyên tử và hạ nguyên tử. Bản thân người quan sát này chính là một hệ thống lượng tử khổng lồ: các hạt cấu thành người quan sát sẽ tương tác với các electron trong thí nghiệm, do đó tác động đến quỹ đạo và dạng tồn tại của chúng.

Sự "vướng mắc lượng tử" (Quantum Entanglement)

Khái niệm này thoạt nghe có vẻ khó hiểu, nhưng nó đơn giản nói về sự tồn tại của một "sợi dây" liên kết, một mối quan hệ, một vướng mắc (entanglement) nào đó giữa các hạt, ở tầng mức lượng tử, mà các nhà khoa học hiện chưa giải thích được.

Theo lý thuyết này: 2 hạt (ví dụ: electron), dù ở cách xa nhau vô cùng (ví dụ: một hạt ở cực Bắc và một hạt ở cực Nam trái đất), khi chúng ta tác động vào một electron bất kỳ trong cặp này, electron còn lại sẽ ngay lập tức bị ảnh hưởng, mặc dù giữa chúng không có mối liên hệ rõ ràng nào. Cứ như thể các electron có khả năng tương tác, "trao đổi" thông tin từ xa với nhau vậy.

Như vậy, ở tầng mức lượng tử, các hạt dường như luôn có kết nối với nhau. Tuy nhiên, ở tầng mức lớn hơn lượng tử (macroscopic), thì hiệu ứng này dường như không được thể hiện rõ. Tại sao lại như vậy?

Các đặc tính kỳ lạ chỉ tồn tại ở tầng mức lượng tử (Decoherence)

Thế giới vật chất ở tầng mức lượng tử "thiên biến vạn hóa" là vậy, nhưng một khi chúng ta quan sát ở tầng mức đời thực, tầng mức con người, thì những đặc tính trên gần như biến mất. Giới khoa học gọi hiện tượng này là sự mất liên kết lượng tử (Quantum Decoherence).

Theo đó, một hệ thống lượng tử bất kỳ (ví dụ: các electron) khi chịu tác động từ môi trường hoặc các tác nhân bên ngoài (ví dụ: người quan sát, các loại máy móc đo đạc...) – vốn cũng là những hệ thống lượng tử khác – thì các đặc tính lượng tử của hệ thống này sẽ bị làm nhiễu loạn và cuối cùng biến mất, khiến hệ thống này phải tuân thủ các nguyên tắc vật lý thông thường.

Hiện tượng mất liên kết này hiện vẫn là một trong những chủ đề gây tranh cãi, khiến giới khoa học đau đầu.

Kết luận này vẫn sẽ đúng ngay cả khi bạn so sánh các hệ thống lớn với nhau, ví dụ như hệ thống giao thông trên đường phố Sài Gòn với quỹ đạo chuyển động của các hành tinh trong hệ Mặt Trời chẳng hạn! Sẽ không khó để bạn nhận ra rằng "quỹ đạo" chuyển động của xe cộ trên đường phố mang tính hỗn loạn nhiều hơn quỹ đạo quay của các hành tinh.

Ở tầng mức vĩ mô hơn nữa, bản thân các Mặt Trời cũng chuyển động xung quanh lõi của thiên hà, nhưng việc này diễn ra có phần chậm rãi hơn: nếu Trái Đất mất một năm để chuyển động quanh Mặt Trời, thì Mặt Trời của chúng ta mất khoảng 200 - 250 triệu năm để hoàn tất vòng quay của nó quanh lõi thiên hà!

Tương tự, nếu như bạn đứng từ một tòa cao ốc và nhìn xuống, bạn sẽ thấy cảnh tượng một góc thành phố thật hỗn loạn: con người, xe cộ, chó mèo... mỗi thứ đi một ngả. Nhưng giả sử bạn đang đứng trên Mặt Trăng và nhìn xuống, bạn sẽ chỉ thấy một hành tinh xanh đẹp đẽ, thong thả tự quay quanh trục của nó!

Hiện tượng xếp chồng lượng tử:

Các nhà khoa học Mỹ chứng minh sự tồn tại của một đám mây nguyên tử tại hai nơi cùng lúc, mở ra khả năng thực hiện thành công kỹ thuật dịch chuyển tức thời.

Theo các định luật vật lý, một vật không thể tồn tại ở hai nơi trong cùng một thời điểm. Tuy nhiên, trong công bố ngày 23/12/2015 trên tạp chí Nature, nhóm nghiên cứu đứng đầu là tiến sĩ Mark Kasevich đã chứng minh một đám mây nguyên tử rubidium có thể tồn tại ở hai trạng thái xếp chồng, hay nói cách khác nó bị lượng tử hóa.

"*Kết quả này đã đưa hiện tượng xếp chồng lượng tử lên cấp độ vĩ mô, chứng minh tính chất lượng tử có thể tồn tại ở thang không gian và thang thời gian của cuộc sống hàng ngày*", các nhà nghiên cứu cho biết.

Phát hiện về sự xếp chồng của vật lý lượng tử ở cấp độ vĩ mô có thể đưa kỹ thuật dịch chuyển tức thời trở thành hiện thực. Trạng thái lượng tử mà tại đó, vật chất xuất hiện ở hai nơi cùng một thời điểm, có thể giúp gửi dữ liệu đến địa điểm cách xa nhiều km mà không cần bất cứ liên kết vật lý nào.

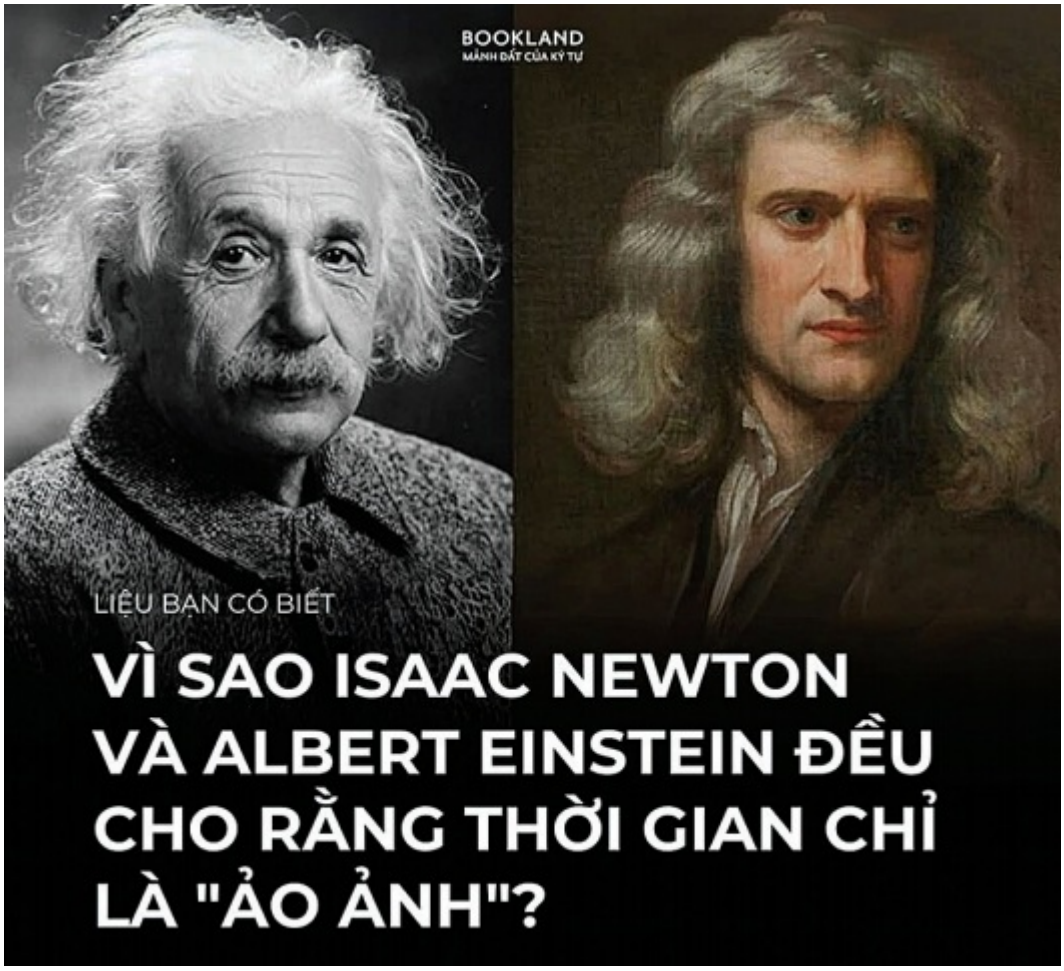
Các ứng dụng của vật lý lượng tử

Tuy được coi là một lĩnh vực cao siêu và chỉ được các chuyên gia quan tâm, nhưng thực tế vật lý lượng tử đã có đóng góp không ít trong việc giúp các nhà khoa học phát minh ra những thiết bị, dụng cụ vô cùng quen thuộc với chúng ta. Từ máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị bán dẫn, cho đến tia laser, công nghệ chụp MRI (Magnetic Resonance Imaging - "cộng hưởng từ") hay công nghệ vật liệu và quang học lượng tử...

Vật lý lượng tử rõ ràng đã và đang chứng minh được tính thực tiễn và tầm quan trọng của mình đối với sự phát triển của xã hội. Thậm chí, nhiều nhà nghiên cứu tin rằng lĩnh vực này chính là chìa khóa để con người có thể phát triển những loại hình công nghệ vượt trội hơn nữa như máy tính lượng tử (quantum computer), hoặc cỗ máy thời gian (time machine) trong tương lai.

Sự tương đồng giữa Vật lý học lượng tử và Triết học tính Không

Đó là khi tri kiến sắc - không hay nhận thức vô phân biệt của Phật giáo trở nên đồng điệu với lý tưởng tìm kiếm một chân lý khoa học thống nhất. Nghịch lý EPR [(6)] của Einstein và hai cộng sự đặt vấn đề rằng thuyết lượng tử đã tự mâu thuẫn khi cho rằng hai hạt quang tử (photon) A và B tuy ở rất xa nhau, không thể "truyền tin" cho nhau mà lại có thể hành xử tương ứng với nhau như thể vẫn đang "giữ liên lạc". Nói cách khác, hiện thực lượng tử là một chỉnh thể nhất thống và mỗi hạt quang tử A hoặc B là một phần tử liên lạc trong chỉnh thể ấy, không thể bị tách rời, nên chúng không bao giờ "đứt liên lạc" với nhau.



Hiện thực đó có thể liên hệ đến lý Duyên khởi của nhà Phật: Có A là vì có B, A không là A nếu B chẳng là B. Tất cả là những mảng không thể tách rời của một tổng thể hiện thực đan xen nối liền trong cái mà đạo Phật gọi là trùng trùng duyên khởi, tạo nên tính chất tương tức, tương liên, tương thuộc của vạn hữu, khiến cho ta không thể tác động đến cái này mà không tạo nên biến đổi ít nhiều trong cái kia. Mà từ tri kiến ấy, ta cũng có thể thấy được thứ hiện thực được phát hiện và mô tả gần đây trong "thuyết hỗn độn" (chaosism [7] với ví dụ điển hình về "hiệu ứng cánh bướm" (butterfly effect): Một con bướm đập cánh tại Brazil có thể gây nên một cơn bão giữa Thái Bình Dương.

Từ tri kiến sắc - không nhìn về vật lý học lượng tử, ta thấy rằng nếu trong nhận thức Phật giáo, đặc tính vô thường của vạn pháp là điều duy nhất thường hằng; thì trong vật lý hiện đại, chính tính bất định của thế giới lượng tử là điều tất định duy nhất. Nhưng lạ thay, khi chấp nhận điều đó rồi thì mọi phân biệt thường – vô thường; bất định - tất định, chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Chỉ có một cõi sống mang đặc tính đại đồng và bình đẳng được tạo nên từ sự gắn kết tương liên giữa vạn hữu, vẫn đang tiếp diễn, vẫn đang trôi chảy.

Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã học được rằng thế giới của chúng ta là hiện tượng giới, nhưng khi đi sâu vào hiện tượng giới ta sẽ tiếp xúc với thế giới

bản thể. Sự pháp giới là thế giới của bản thể: cả tam thiên đại thiên thế giới được chứa trong một hạt cát, cái vô cùng nhỏ chứa đựng cái vô cùng lớn. Nhà vật lý học hiện đại Stephen Hawking [8] đã viết cuốn sách: "Vũ Trụ Trong Vỏ Hạt Dẻ", khi đọc quyển sách này chúng ta thấy ông là nhà khoa học nhưng có tuệ giác của kinh Hoa Nghiêm. Ông viết trong quyển sách "Vũ Trụ Trong Vỏ Hạt Dẻ" rằng: *"Dù có bị giam hãm trong vỏ hạt dẻ nhưng chúng ta vẫn tự coi mình là chúa tể của khoảng không vô tận"* giống với tư tưởng: cả tam thiên, đại thiên thế giới đặt trên đầu một sợi tóc của đại thừa.

Sự vướng mắc lượng tử và xếp chồng lượng tử: khi hai nguyên tử đặt cách nhau rất xa là ở cực Bắc và cực Nam của trái đất mà vẫn có thể liên lạc với nhau. Đó là mối tương quan của vạn pháp, là tính Không, bản chất vạn pháp là không có tự ngã riêng biệt nên phải tương duyên mật thiết với nhau. Trong kinh Duy Ma Cật, đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng chỉ cần tâm mình thay đổi là cả thế giới thay đổi, cõi Ta Bà cũng thành Tịnh Độ.

Một hành động nhỏ cũng có tác động đến toàn vũ trụ. Hiện tượng xếp chồng lượng tử: là các nguyên tử có mặt cùng lúc tại nhiều nơi. Một nguyên tử vừa có mặt ở điểm A, vừa có mặt ở điểm B trong cùng thời điểm. Trong thế giới của bản thể các pháp siêu việt không gian và thời gian.

Einstein đã khám phá ra rằng không gian và thời gian có mối liên hệ mật thiết với nhau gọi là Không - Thời Gian. Đó là mối quan hệ tương duyên, nhưng nếu có tuệ giác về Tính Không và nhìn sâu hơn chúng ta thấy có cả Không Gian - Thời Gian - Và Tâm Thức của chúng ta. Đó là thực nghiệm về tính không, giữa tâm và vật có mối tương duyên không tách rời nhau.

Ngày xưa khi tu tập thiền định, đức Phật đạt đến trạng thái thiền định là Không Vô Biên Xứ, khi đó cái không gian vô biên cũng là tâm ta và tâm ta cũng là không gian vô cùng. Ngày nay khoa học thực nghiệm thấy được điều mà đức Phật thực chứng khi cho rằng các nguyên tử cũng phụ thuộc vào tâm người quan sát.

Thuyết tương đối của Einstein chỉ ra rằng thời gian là một đại lượng vật lý tương đối, có thể bị co giãn tuỳ thuộc vận tốc và trọng lực. Theo ông, cảm nhận của con người về thời gian là một hệ quả của việc chúng ta ghi nhớ các chuyển động của vạn vật. Nói cách khác, chúng ta gọi đó là thời gian vì nó giúp chúng ta hiểu và ghi lại sự thay đổi. Nhưng thực tế, thời gian chỉ là một khái niệm tương đối, không có thực tại cố định.

Dù thời gian có là một ảo ảnh hay không, nó vẫn tiếp tục gắn bó với cuộc sống con người, là yếu tố định hình và quản lý mọi thứ xung quanh chúng ta. Trong

khi chúng ta không thể thay đổi dòng chảy của thời gian, chúng ta có thể học cách sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc.

Trong thế giới của bản thể, Tính Không của hiện tại tuyệt đối, chúng ta thấy các pháp là siêu việt không gian và thời gian. Thời gian cũng là một sản phẩm của tư duy, của biến kế sở chấp [9] theo Duy thức, là đối tượng nhận thức của tâm nên Einstein gọi nó là sản phẩm của tư duy. Khoa học hiện đại ngày càng chạm đến bản thể giới của triết lý Tính Không.

Kết luận

Đi vào tâm thức chân không chúng ta sẽ tìm thấy sự bình an không còn quay cuồng trong những động lực mù quáng, những ham muốn do bản năng dục vọng, danh lợi chi phối. Đạt được tâm thức chân không, chúng ta thoát khỏi cõi vô minh trong tư tưởng. Lúc đó ta sẽ có bình an trong tâm thức và tư duy hài hòa theo sự vận hành của vũ trụ. Tâm thức chân không là kết quả của cái nhìn trực giác của người tỉnh thức chứ không phải thông qua suy luận. Chừng nào bạn cảm nhận trực tiếp được tâm thức chân không trong sinh hoạt đời sống thường ngày khi ấy bạn mới có được an lạc tự do. Nhờ vào những giây phút thức tỉnh ấy, chúng ta mới có tự do và tình yêu trong sáng, thoát khỏi ranh giới bản ngã, nhìn rõ chân tướng thực tại loại trừ những mặt tiêu cực từ đời sống. Làm cho nội tâm chúng ta luôn thuần khiết, hạnh phúc, chân thật.

Khoa học hiện đại mặc dù đã đạt đến trình độ rất cao trong lịch sử tiến hóa của nhân loại nhưng khoa học chỉ tiệm cận chân lý mà chưa đạt đến thế giới bản thể. Mặc dù có nhiều nét tương đồng nhưng vật lý học lượng tử chỉ là hiện tượng giới của triết lý Tính Không. Do bị kẹt vào nhị nguyên giữa chủ thể quan sát và đối tượng quan sát nên khoa học vẫn chưa đi xa được.

Trong Duy Thức học, cái thế giới mà chúng ta thấy là Biến Kế Sở Chấp không phải là thế giới thực (Tính Cảnh). Nếu muốn nhận thức được thực tại (Tính Cảnh) [10] là quá trình chuyển thức thành trí. Khi đó vượt thoát được quan niệm nhị nguyên giữa chủ thể quan sát và đối tượng quan sát. Lúc đó mới thực sự đi vào thế giới của Tính Không, của trí vô phân biệt.

Tác giả: **Kiến trúc sư Tăng Chí Vinh**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

***

CHÚ THÍCH:

(1) A.Einstein: Albert Einstein là một nhà vật lý lý thuyết người Đức, được công nhận là một trong những nhà vật lý vĩ đại nhất mọi thời đại. Người đã phát triển thuyết tương đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại (trụ cột còn lại là cơ học lượng tử).

(2) Bát Nhã Tâm kinh: Bát-nhã-ba-la-mật-đa tâm kinh còn được gọi là Bát-nhã tâm kinh, hay Tâm kinh. Đây là kinh ngắn nhất chỉ có khoảng 260 chữ của Phật giáo Đại thừa và Thiền tông. Nó cũng là kinh tinh yếu của bộ kinh Đại Bát Nhã gồm 600 cuốn.

(3) Kinh Hoa Nghiêm: Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (zh. 大方廣佛華嚴經, sa. Mahāvaipulya Buddhāvatamsaka

Sūtra, ja. Daihō Kōbutsu Kegonkyō), thường được gọi tắt là kinh Hoa Nghiêm (sa. Avatamsakasūtra) là một kinh điển Đại thừa. Kinh Hoa Nghiêm được đánh giá là kinh điển đồ sồ nhất và dài nhất trong số các kinh của Phật giáo, theo nhận xét của dịch giả Thomas Cleary thì kinh này là "hoành tráng nhất, toàn thiện nhất và cấu tứ thẩm mỹ nhất trong số tất cả kinh điển Phật giáo." Kinh nhấn mạnh đến tính "vô ngại" của mọi hiện tượng và chủ trương rằng tâm con người chính là vũ trụ và đồng thể với tâm Phật. Quan điểm này của Đại thừa hay được Thiền tông nhấn mạnh và vì thế, kinh này cũng thường được tông này nhắc đến.

(4) Kinh Duy Ma Cật: Duy-ma-cật sở thuyết kinh Vimalakīrti Nirdeśa Sūtra (tiếng Trung: 維摩詰所說經) là một tác phẩm quan

trọng của Phật giáo Đại thừa, có ảnh hưởng rất lớn đến nền Phật giáo tại Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản. Kinh xuất hiện khoảng thế kỉ thứ 2 sau Công nguyên, mang tên của Duy-ma-cật (tiếng PhạnVimalakīrti), một cư sĩ giàu có, sống cuộc đời thế tục nhưng vẫn đi trên con đường Bồ tát. Nhờ kinh này mà người ta có thể xem cư sĩ và tăng sĩ có một mục đích như nhau trên đường tiến đến giác ngộ.

(5) Trung Quán Tông: Còn được gọi là Trung luận tông (zh. 中論宗), là một trường phái Đại thừa, được Long Thụ (zh. 龍樹, sa.

nāgārjuna) thành lập. Tông này có ảnh hưởng lớn tại Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng, Nhật Bản và Việt Nam. Tên gọi của tông này dựa trên quan điểm quán sát Trung đạo, không rơi vào kiến chấp hai bên. Với quan điểm Bát bất, được ghi lại trong bài kệ dẫn nhập của Trung luận (sa. madhyamakaśāstra), Long Thụ cho rằng mọi miêu tả về sự vật đều không đúng và Sư nêu rõ tính chất hư huyễn của sự vật.

(6) Nghịch lý EPR: Nghịch lý Einstein-Podolsky-Rosen hay nghịch lý EPR năm 1935 là một thí nghiệm lớn trong cơ học lượng tử của Albert Einstein và các đồng nghiệp của ông - Boris Podolsky và Nathan Rosen. Bài báo EPR khởi nguồn cho việc khám phá tính chất vô định xứ (nonlocality) trong thế giới lượng tử, làm đau đầu hầu hết những triết gia khi đó vì tính chất định xứ bấy lâu nay tưởng chừng vững chắc như chân lý. Việc tìm lời giải thích thỏa đáng trong nghịch lý EPR đã khai sinh ra một lĩnh vực có ý nghĩa cách mạng đến tận thời điểm này, đó là công nghệ lượng tử (máy tính lượng tử, truyền thông lượng tử, bảo mật lượng tử...), bằng việc khai thác những kết quả mà cơ học lượng tử dự đoán và mang lại.

(7) Thuyết Hỗn Độn (chaosism): Thuyết hỗn loạn nghiên cứu hành vi của các hệ thống động lực (dynamical system) nhạy cảm với điều kiện ban đầu, chúng là những hệ thống phi tuyến tính (non-linear) hoặc có số chiều không gian không giới hạn. Những hệ thống này được đặc trưng bởi tính chất "hỗn loạn" và sự nhạy cảm của các hệ thống đó thường được nhắc đến như là hiệu ứng cánh bướm (butterfl effect) - một hiện tượng được tìm ra bởi Edward Lorenz. Với đặc tính này, những biến đổi quan sát được của các hệ thống vật lý có biểu hiện hỗn loạn trông có vẻ ngẫu nhiên, dù mô hình mô tả của hệ thống là 'xác định' theo nghĩa là được định nghĩa chính xác và không chứa những tham số ngẫu nhiên.

(8) Stephen Hawking: Stephen William Hawking (8 tháng 1 năm 1942 - 14 tháng 3 năm 2018) là một nhà vật lý lý thuyết, nhà vũ trụ học và tác giả người Anh, từng là giám đốc nghiên cứu tại Trung tâm Vũ trụ học lý thuyết ở Đại học Cambridge vào thời điểm ông qua đời. Ông cũng là Giáo sư Toán học Lucasian tại Đại học Cambridge từ năm 1979 đến năm 2009. Vũ trụ trong vỏ hạt dẻ (The Universe in a Nutshell) là một trong những đầu sách do Stephen Hawking viết về chủ đề vật lý lý thuyết. Nó giải thích cho người đọc về nhiều vấn đề liên quan tới các nghiên cứu của các Giáo sư Toán học Lucas trong quá khứ, tỉ như Thuyết không đầy đủ của Gödel và màng P (một phần của thuyết siêu dây trong vật lý lượng tử).

(9) Biến Kế Sở Chấp: Duy Thức tông giải thích sự cảm nhận, nhận thức ngoại cảnh. Biến kế sở chấp tính (sa. parikalpita-svabhāva), còn được gọi là huyễn giác...

(10) Tính Cảnh: Nghĩa là cảnh tượng chân thật trong thế gian và những cảnh tượng này được phát sinh từ nơi Thể Tính của Duy Thức.